

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 183

ĐỜI TÙY - THIÊN THAI  
TRÍ GIẢ ĐẠI SƯ  
BIỆT TRUYỆN

SỐ 2050

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 2050

## ĐỜI TÙY - THIÊN THAI TRÍ GIẢ ĐẠI SƯ BIỆT TRUYỆN (Môn nhân là Quán đánh tuyển chọn).

Đại sư tên Húy gọi là Trí Húc, tự là Đức Ân, vốn dòng họ Trần. Người ở Vĩnh châu. Đời Cao Tông rất thanh truyền về lịch sử phả hệ, đến đời Phổ thế thì đời đô.

Gia đình sư mới dời đến phương Nam. Ngụ bên dòng sông Hán. Nhân đây mà dừng lại ở huyện Hoa dung thành Kinh châu. Tổ phụ của ngài học rất thông kinh truyện, đàm luận khó ai bì. Còn về võ nghiệp thì kế sách tính toán rất đa mưu túc trí. Có Lương xương đông, Vương tiêu dịch ở Kinh châu liệt vào hàng tân khách, ông nghe lời khuyên vào triều đầu quân, Chu Dị thấy khen rằng:

Nếu chẳng phải là bậc anh tài hiền quốc, thì cũng là bậc Minh quân đáng kính trọng.

Năm Hiếu Nguyên tước vị vẫn giữ chức tán kỵ thượng thị, khai quốc công thần ở huyện Ích Dương. Mẹ là người họ Từ, tánh tình ôn hòa hiền lương, đạm bạc, thường giữ trai giới, có lần nằm mộng thấy một làn hương khói năm sắc thoang thoảng bay qua, như là làn sương vòng quanh ở nơi bụng, vừa muốn phớt đi thì nghe có người nói:

Nhân duyên từ nhiều đời này ký thác vào nhà Vương đạo, phước đức tự đến vì sao lại phớt đi.

Lại nằm mộng thấy một con chuột bạch, nhân đó tỉnh dậy cảm thấy thân thể nặng nề. Đến năm sinh sư ra thì từ trong đêm hiện ánh thần quang chiếu khắp mái hiên, bỗng nhiên ánh sáng chiếu khắp các nhà bên cạnh. Gia đình thấy ánh sáng đó liền nhớ đến điềm lành trước

nói Vương đạo. Vì vậy sau đặt tên là Quang Đạo, cho nên thuở nhỏ đã lập hai tên tự. Trong con mắt có hai con người. Cha mẹ dấu không cho người ngoài biết, nhưng rồi người ta cũng biết tất cả.

Đến năm bảy tuổi thích lui tới chỗ già lam, chư Tăng truyền đọc lại phẩm Phổ môn, mới nghe qua một biến liên thuộc, nhưng rồi cha mẹ cấm tuyệt không cho đi đến chùa. Nên có những ý kinh tụng còn mờ mịt chưa có nghe rõ rồi cũng tự nhiên thông hết các văn cú khác. Sau đem kinh kiểm nghiệm lại thì thấy không có sai sót. Đó là do ôn cố tri tân mà được như vậy.

Năm mười lăm tuổi, gặp lúc Hiếu Nguyên bị quốc phá gia vong, cả quyền thuộc đều bị tàn hại. Cả nhà ông cũng chạy loạn và than rằng cuộc vinh hoa hội tụ chẳng bao lâu thì lại chịu sự đau khổ khi phải chia lìa. Thế là Ngài ở nơi tượng Trường sa mà phát đại nguyện làm Sa-môn học đạo, giữ trọng trách gánh vác chánh pháp của Như Lai. Do tấm lòng chí thành đó mà cảm đến oai linh của thần liên nằm mộng thấy điềm lành tượng kia bay vào trong sân nhà, đưa tay kim sắc vàng qua song cửa xoa đánh ba lần. Do đây mà lòng Ngài cũng chán xa cảnh gia ngục buộc ràng và suy nghĩ diệt trừ căn gốc của mọi khổ đau.

Thế nhưng cha mẹ vì lòng yêu thương không dứt nên không cho đi. Tuy là tùy thuận theo ý song thân nhưng lòng Ngài ăn ngủ không an, mới khắc cây vẽ tượng chép kinh. Sớm tối chuyên tâm lễ tụng niệm niệm không dứt. Đang lúc lễ Phật thì toàn thân đều sát đất. Thốt nhiên thấy ngọn núi rất cao như trong mộng đã thấy, đến một bờ biển lớn nước non ngưng đọng uất kết nên càng thấy rõ. Trên ngọn núi có một vị Tăng đang đưa gọi vẫy lên. Trong khoảnh khắc thì cánh tay của vị Tăng kia duỗi thẳng ra đến chân núi vào trong ngôi Già lam. Thấy bức tượng tạc ở trong điện y như trong mộng thì lệ rơi bi ai mà trình bày sở nguyện, muốn học được Phật pháp trong ba đời để đối với Thiệm bộ luận sư. Dùng lời nói vô ngại không hoang tưởng mà hưởng ân huệ tứ sự của thế gian. Vị Tăng lại đưa tay chỉ vào tượng mà nói rằng:

Ông nên ở đây suốt đời.

Khi tỉnh dậy mới biết mình vì cảm ứng với Phật mà nằm mộng, nước mắt rơi xuống đất như mưa, vui buồn lẫn lộn, lại càng chuyên cần nỗ lực chuyên tu. Sau song thân lần lượt lìa đời, lo việc tang gia rồi đến thừa với anh từ biệt ra đi.

Người anh nói:

Trời đã hại chết song thân, nay người còn muốn cắt đứt tâm ta, đã cô quạnh lại chia lìa thì làm sao ta chịu được.

Ông liền quỳ thưa rằng:

Xưa Lương Kinh có cả trăm vạn nô bộc thê thiếp, không bao lâu rồi cũng kể nam người bắc, không thể ở chung mãi. Nay em đi chính là muốn báo ân đức song thân, cho dù chẻ da lóc thịt thí ý nguyện vẫn không thay đổi.

Lúc này Vương Lâm đang chiếm cứ Sông Tương, ông đến từ biệt xin đi, Vương Lâm vì tình nghĩa xưa với Trần Hầu và lại yêu mến khí tiết của ông nên chu cấp pháp cụ, hỗ trợ tùy hỷ. Đến năm mười tám tuổi đi đến Tương châu chùa Quả nguyện của Sa-môn Pháp Tự xin xuất gia. Ngài Pháp Tự cho học luật nghi và thọ mười giới.

Sau đó đến phương Bắc học với ngài Huệ Khoáng luật sư, kiêm thông phương đẳng, cho nên được gọi là Bắc Diện sư, về sau lại đến núi Đại hiền tụng các kinh Pháp Hoa, Vô lượng nghĩa kinh, Phổ Hiền quán kinh, trải qua hai tuần thì ba bộ kinh trên đều thông suốt cả. Tiến lên tu Phương đẳng, sám hối tâm thanh tịnh cầu được thắng phước hiện tiền.

Ngài thấy đạo quang thì rộng lớn, trang nghiêm tráng lệ, mà kinh tượng thì ngang dọc khắp nơi, thân ở trên tòa cao mà chân thì ở tại giường, miệng tụng Pháp Hoa mà tay đang cầm kinh tượng. Từ đó về sau tinh thần sáng tịnh thông lợi, khi thọ giới cụ túc đầy đủ luật nghi thì tinh thông sự việc của đời trước, thường vui thiền duyệt nhưng vẫn chưa thỏa nguyện. Đất Giang đông không đủ để tham vấn học hỏi. Bấy giờ có Thiên sư Huệ Ân, người Vũ tân, danh cao, đức trọng, việc hành trì chuyên tinh; mười năm thường tụng bảy thời Phương đẳng, chín tuần thường ngồi một thời Viên chứng, ít có việc gì mà không rõ ràng phân biệt. Xưa ở tại Châu thất dự biết được Phật pháp, vì gặp tai họa nên đi ngao du khắp Nam Bắc, ý muốn dừng chân nơi chốn non xanh núi biếc, ẩn mình trên núi Đại tô ở Quảng châu. Vì tu đức tích thiện nên thường chịu đói khát. Lại, đất này là biên giới của nước Trần và Tề thường xảy ra binh biến, mà Pháp sư xem nhẹ sự sống mà quý trọng đạo pháp, nhưng rồi cái chết tưởng chừng như xảy ra trong đêm, sáng ra ngài liền vượt qua chốn hiểm nạn này mà đi. Lúc đầu được lễ bái liền suy nghĩ: Ngày xưa ở núi Linh sơn cùng nghe Pháp Hoa, túc duyên vẫn còn cho đến ngày hôm nay. Thế là ngài khai giảng đạo tràng Phổ Hiền để thuyết tứ an lạc hạnh, sớm tối khổ trí lấy kinh giáo để khai tâm. Vì chí dũng mãnh cầu pháp cho nên vật dụng phải túng thiếu, phải chặt cây bách làm hương, bách hết thì lấy cây dẽ. Lấy trúc đốt vào buổi tối, hết thì lấy tùng làm đuốc. Trải qua mười bốn ngày tụng đến phẩm Dược vương chư Phật khen ngợi là tinh tấn chân thật là như pháp cúng dường.

Nhấn đến một câu hoát nhiên nhập vào định tịch diệu. Do tịnh này mà phát chiếu ra Pháp Hoa, như đến chỗ u cốc mà cao sáng, đạt được các pháp tướng tựa như gió lớn chu du thái hư. Ngài liền đem sự chứng ngộ đó bạch với sư. Sư lại càng khai diễn, ngài càng hiểu thông cương yếu pháp mục đầy đủ. Như có chỗ nào lằm lạc thì hỏi lại tường tận, thấu đạt mọi lẽ. Tự tâm tỏ ngộ và nhờ sự giáo huấn của thầy. Công lực tu trong bốn đêm bằng cả trăm năm. Hỏi một thì biết tới mười, tuệ quán đều vô ngại, thiền môn cũng không ngưng trệ. Trong đêm tu tập mà tuệ khai phát sáng như hoa nở. Ở trong tư duy vị thầy tán thán rằng:

Không phải chứng chẳng phải ta, chẳng phải người, cũng không phải thức. Chỗ nhập định đó chính là Pháp Hoa Tam-muội tiền phương tiện vậy; chỗ phát khởi thì từ sơ khởi toàn là Đà la ni, khiến cho văn tự của thầy cho dù thiên kinh vạn quyển, thì chỗ hùng biện của người cũng không cùng tận. Ở trong chỗ thuyết pháp đó, người là đệ nhất.

Bấy giờ có Thiên sư Huệ Mạc, việc hành trì chưa thông nên những lúc luận biện cho người nghe rất mờ. Tự nói với môn nhân rằng:

Ta là bậc Sư tử hống chân pháp ở thế gian. Còn các người khác là tiếng nói của loài dã can, tâm nhãn chưa khai, làm cho người mê muội. Tiên sư trích dẫn kinh điển để chất vấn, đem những điều chính lý để bẻ mọi lời giả trá, để cho chúng nhân thấy rõ, phân biệt được sự phải trái. Lọc bỏ hết thì nước lắng đọng làm cho cát đá dễ lộ ra, như thế thì kẻ mê đồ sẽ nhận biết mà trở về bến giác.

Sau đó sư nằm mộng thấy ba tầng lầu cát. Huệ Mạc đứng ở dưới còn mình thì ngồi ở trên, có một người dơ tay trợn mắt lên nói rằng:

Vì sao coi thường vậy? Vì sao mà còn nghi pháp? Có gì thì nên hỏi ta.

Tiên sư nghênh tiếp, phân ra tâm chủ thưa hỏi. Nộ nhân đem hết những lý diệu cùng tận, rồi nhân đó dạy rằng:

- Trừ các pháp thật tướng ra, các pháp khác đều là ma sự. Dạy xong rồi thì nhìn lại không thấy Nộ nhân và Huệ Mạc đâu nữa.

Trong đêm có nghe người nói đó chính là thần linh. Sáng ra đi đến chỗ thầy trình bày lại. Thầy bảo: Ông quán Bát-nhã không thiếu phẩm nào, phạm các chủng loại tướng mạo có chín mươi sáu đường. Kinh nói nếu thuyết pháp thì thần sẽ hỗ trợ, thì ông ngày ngày khắc phục tâm ngã mạn, đêm thì đuổi hết bọn tà ác không để mất chánh đạo.

Vị thầy khi khắc chữ vàng Đại phẩm kinh xong rồi, tự khai huyền nghĩa rồi bảo ngài thay thế giảng đạo.

Thế rồi ngài đem trí soi khắp mười phương nhật, nguyệt, biện luận

các phẩm loại thâm sâu, trình bày pháp đạo lý lẽ như thế nào, duy chỉ có tam Tam-muội và tam quán xứ, dùng pháp này để thẩm xét lại.

Vị thầy tay cầm như ý đi đến chỗ ngồi nghe khen rằng: Có thể gọi đây là pháp phớ, pháp thần, pháp vương của người vô sự.

Huệ Khoáng luật sư cũng đến ngồi trong hội tọa mà nói rằng:

- Lão Tăng từng nghe pháp nơi hiền tử này.

Đáp:

- Chỗ hiểu của Thiên sư chẳng phải là sâu rộng.

Lại nói:

- Công lực của Pháp hoa nay đã giảng xong rồi.

Thầy dạy rằng:

- Ta từ lâu ý muốn đi đến Nam hoành, chỉ tiếc là pháp chưa có người ủy thác. Nay người đã đắc được pháp đạo rất vừa ý của ta. Nay ta phó chúc lại cho người. Người hãy đem pháp này mà truyền thừa giáo hóa, chớ để cho đoạn tuyệt.

Đã trao pháp huấn cho đệ tử rồi vị thầy đi về núi Hoành nhạc. Lại nghe ở Kim lăng sự nhân nghĩa không mấy tốt lame nên thử tìm đến đó xem. Nếu pháp được hoằng truyền ở đất này thì không cô phụ sự phó chúc. Thế là cùng với các vị pháp hỷ hai mươi bảy người cùng đến kinh đô của nhà Trần. Nhưng các bậc thượng đức và mọi người biết tiếng cũng kéo đến. Quả nhiên có một vị Lão tăng tên là Pháp Tế tự khoe thiền học, nói rằng:

- Có người nhập định nghe nhiếp động cả sơn địa. Bậc trí Tăng giảng nói pháp vô thường này là thiền gì?

Đáp:

- Nếu thiền định không sâu thì tà kiến sẽ nhập vào, nếu nói thì định hoại vô nghi.

Pháp Tế kinh hãi đứng dậy từ tạ:

- Lão tăng thân thường đắc định này. Nay nghe chỗ linh diệu ông, thì mới biết giải thoát chân thật. Nay nghe điều chưa từng nghe. Nếu chẳng phải là gặp bậc thiện trí thức, cũng thấy được tâm người. Pháp Tế đem điều này nói lại với triều đình và nói rằng: Triều đình ở chốn dân quê, tiếng tâm khiến cho đạo tục xa gần đều biết. Pháp sư Đại Nhẫn đây là người đạo cao đức trọng đương thời, mở khai thiện pháp không giao thiệp với đời.

Lúc này có Nghĩa Tập đến hội Tương sơn cùng với Tiên sư Quán tuệ khai thông đạo pháp, làm cho thính giả đều lắng tai nghe, chấp tay thành kính nghe điều chưa từng nghe.

Đại Nhẫn khen rằng:

- Đây chẳng phải là văn sơ xuất ra, là quán cơ mà luận biện Bát-nhã, chẳng phải lợi cũng chẳng phải độn, lợi độn do duyên mà có. Người độn căn mà trì sâu, ý cũng đắc được đạo vị. Lão tăng này may mắn gặp được pháp được mà quên mất cả bệnh đau. Trước đạt được lời mà tung thành tiếng để nêu cao pháp đạo. Từ đó mà tuệ sáng lời sâu, nhập vào chốn định chiếu Thiên cung, đồng hành với chư Phật, bỏ hết mọi thiên duyên cấu tập mà phát lời thệ rằng:

- Nay thân bị chướng ngại bức bách không toại chí. Lãnh thừa hoàng pháp đạo thông cho hậu thế, mong được ứng khả. Sau đó mộng thấy tiên môn nói rằng:

- Thiên sư là Tông phạm đời trước của ta, ông nên nhất tâm phụng sự.

Đã phụng lời minh huấn rồi nên càng nỗ lực tham cứu một chữ cũng không mất, lễ bái không tránh cả bùn nước, khi xem kinh sơ thì rửa tay, đốt hương kính cẩn lạy ba lễ. Lòng cung kính đối với văn tự mỗi câu đều xưng tụng. Nếu chẳng phải là bậc trí đức vi diệu. Há lại khiến cho trong đời tổ được văn hùng ý khuất như thế sao? Rồi cùng với Thấm Quân luận nghị. Thỉnh ngài đến khai tựa kinh Pháp Hoa. Vua sắc lệnh sau khi bãi triều, bàn việc với quần thần xong cùng các quan thượng thư Mao Hỷ, Quang Bộc, Dạ Châu, Hoàng Chánh v.v... đi đến chỗ Pháp sư. Tất cả đều được nghe pháp vị. Ở chùa Tiểu Trang nghiêm có vị Tăng tên Huệ Vinh trông coi việc nước. Một hôm cầm quạt vừa đưa lên ngang mày, thì quạt liền rơi xuống đất. Biết rằng cả tu và hành sự thật khó mà đáp ứng được liền chấp tay than rằng:

- Pháp hôm nay phi thiên mà lại bất trí đây sao?

Pháp sư Pháp Tuệ lúc đó cũng cùng ngồi bèn vỗ vào lưng của Tuệ Vinh mà giễu cợt rằng:

- Trước đây là rồng nay thành Phục lộc. Quạt đã rơi rồi, thì làm sao che giấu sự hổ thẹn.

Tuệ Vinh đáp:

- Vì khinh địch cho nên mất thế lực. Thế nên, muốn hưng khởi pháp màu, rồng hoàng long thọ, càng khiến cho bậc cao tước gặp nạn nhiều lần. Lau gương thì phải lau cho sáng, rửa vàng bày đủ sắc; chuyển giả thành thật mà quên mất chỗ về. Người hiếu thắng thì ôm lòng thẹn không bàn luận mà cho là hay.

Thuở kiến sơ Bảo Huỳnh nói với Phùng Nhượng Lộ rằng:

- Lúc thiếu thời học thiền không gặp được bậc danh Tăng. Lớn lên



tuy có lòng tin gặp được hiền nhân thì tuổi cũng đã già. Sự khát ngưỡng đã nhiều đời, được sự dẫn dắt lên Bạch Mã thăm vấn với chư vị tâm đức mà được học đạo mở mang trí tuệ. Chư vị như pháp An Định Lâm đều là bậc đạo đức Long tượng của đất Kim lăng, dẫn đầu chư tăng chúng. Thế là bèn bỏ yếu chỉ ở phương Nam, đánh lễ nơi phương Bắc. Nơi đây bốn phương đều quy tụ, người từ phương xa đều tìm đến, đều không tiếc thân mạng, để mong được lợi ích. Lòng mong được thấm nhuần đạo pháp vi diệu, nên càng chú tâm vào thiền định trí tuệ mà quên ăn quên ngủ. Tiên sư thường đối với chúng làm đấng Điều ngự, nên dừng lại ở nơi Ngõa quang tám năm để giảng luận Đại Trí độ, thuyết lần lượt các pháp thiền môn. Việc ích lợi của sự nói năng hay mặc niệm cũng khó nói hết. Tuy mỗi sự động tịnh đều hợp với đạo, mà lỗi lầm vẫn không tránh được. Khi Nam nhạc chính đốn đạo pháp thì cũng có phần nào hưng thịnh lên. Lúc nhà Trần hưng khởi vua thường ra trấn Động đình, các vị công khanh theo hộ tống đưa tiễn đưa xe trở về Ngõa quan. Thấy mọi người đều bỏ sơn động, mà lễ bái ân trọng, nhân đó mà ngài than rằng:

- Ta đem qua nằm mộng, gặp bọn cường đạo. Nay bèn có khinh tặc, nếu bị buộc râu tóc, xương cốt đều bị cắt tiết thì nhớ kéo đuôi.

Nhưng môn nhân là Tạ Di nói:

- Tôi nghe việc ám xạ thì ứng vào dây cung. Vô minh chính là ám vậy, còn môi răng chính là cung. Tâm lo nghĩ nơi dây cung, âm thanh như tên bắn. Đêm dài vọng phát ra không thể hiểu biết, nếu làm lợi ích cho một người, thì tâm của dây huyền nên thích ứng.

Lại nữa, Pháp sư như gương sáng, vuông tròn như tượng. Nếu duyên theo tâm câu chấp thì chuyển dời vô tận. Nếu duyên bị tâm che lấp thì tự nhiên dính mắc. Xưa Nam nhạc bắt đầu khuyến hóa ở vùng Giang đông. Lúc đầu có bốn chục người tọa thiền thì có hai chục người đắc đạo. Năm kế cũng có một trăm tọa thiền thì có hai mươi người đắc pháp. Năm kế nữa có hai trăm người tọa thiền thì chỉ còn mười người đắc pháp. Về sau thì mỗi lúc học đạo càng nhiều nhưng đắc đạo thì ít. Khi ta đi hoằng hóa đạo thì biết là các bậc là các bậc hiền thiện đều tùy theo đó mà an lạc. Ta muốn bày tỏ cái chí của mình. Nhưng Tương Sơn quá gần chẳng thể tránh được sự huyền ảo. Nghe nói ở núi Thiên thai là vùng đất rất xứng hợp là chỗ Tiên cung. Đạo pháp nơi đây có thể hưng khởi. Dùng thi phú thì núi này chẳng khác gì chốn bồng lai. Nếu dứt duyên ở nơi này mà đến chốn ấy mới thỏa chí nguyện.

Vua Trần Tuyên Đế có sắc lệnh cho quan Bộc xạ cầu thỉnh pháp

sư. Thế là ngài theo lời thỉnh cầu mà thẳng đến Đông xuyên tức là vào đời Trần Thái Kiến năm thứ bảy mùa thu tháng chín, ngài bắt đầu đến núi Thiên thai, nhân du sơn thủy, đem đạo pháp đến chốn núi rừng, vui cùng thạch am tịnh lạng. Tham học nơi sơn lộ cao thâm. Từ đó ngài cùng Tăng chúng khởi đằm làm cầu đá. Nhiều lần đi đến chỗ Nam môn. Trải qua thời gian dài mà chưa nghĩ đến chuyện định cư. Hằng đêm ở cầu đá thấy có ba người mặc áo đỏ đội khăn đen. Có một lão tăng tiến đến nói rằng:

- Thiên sư nếu lập chùa ở núi này thì có chùa của Hoàng thái tử xin dâng ngài.

Pháp sư nhân đây nói rằng:

- Ngay như hôm nay một am tranh cũng khó làm, thì làm sao có thể lập chùa?

Lão Tăng đáp rằng:

- Nay chẳng phải thời của Tam quốc tạo thành một thế lực lớn, nên người có thể tạo chùa ở đây. Chùa nay vì nước nhà thanh bích, cho nên đặt tên chùa là Quốc thanh. Lúc này trên đỉnh núi ba mặt đều vắng vẻ không người lui tới. Tuy là được thần linh mách bảo nhưng làm sao chu toàn chí nguyện để thấy Phật nơi xứ Lãng nam mà làm kẻ tả hữu trên ngọn núi, soi sáng ánh đạo mâu. Nghĩ thế thì trong lòng bồi hồi lo lắng.

Khi đó Thiên sư Định Quang ở ẩn tích trên núi đã ba mươi năm, đạo hạnh cao minh dễ quen nhưng khó biết, nếu có chỗ huyền bí gì thì phần nhiều đều có sự chứng nghiệm vào ban đêm, lại nghe bean am tranh của Định Quang có tiếng khách kêu giữa chốn hư không, vang đến tận sơn cốc mà tạo thành các vần điệu sâu xa huyền diệu, ngài hỏi Định Quang tiếng này ở đâu? Định Quang duỗi tay dài ra mà ngâm rằng: “Nghe tiếng kiền chùy triệu tập Tăng chúng, đó là tướng đặc trụ. Lòng nghĩ mắt thấy, tay vẫy cùng tương kiến được không? Với người khác thì chớ giải thích ý này. Nhân theo ánh sáng từ phía Bắc núi này mà sáng lập già lam. Quanh đó cây cối rừng tùng tổ chim bao quanh thêm đá. Từ xa trông thấy chùa như trông giấc mộng không khác. Phía Bắc chùa có ngọn núi đứng riêng biệt gọi là Hoa đảnh. Lên đó đứng nhìn thì không thấy các ngọn núi khác. Ở đây cũng xa hẳn mọi sự huyền ảo và ấm áp hơn các nơi khác. Tiên sư rời chúng một mình đến đây tu Đầu-đà.

Bỗng nhiên sau đêm đó có gió lớn nổi lên nhổ bật cả cây cối. Sấm chớp vang động cả núi, ma quỷ vong mị hiện ra muôn hình vạn trạng. Hoặc đầu mang hình rồng rắn, hoặc miệng thổi ra tinh khí. Xuất ra hình

lửa như mây đen, âm thanh phát ra như sét đánh. Thay đổi biến hóa khôn lường. Muốn đồ họa sao chép lại các việc quỷ thần biến hóa, sợ rằng cũng không đúng được. Chỉ có an tâm thậm nhiên nơi chỗ không tịch, thì cảnh giới bức bách kia tự nhiên tiêu mất. Bỗng chốc lại hiện ra hình cha mẹ sư tăng, hoặc quỳ hoặc nằm thấy đều bị thương rơi lệ. Ngài chỉ chuyên niệm quán tưởng thân thể đạt đến chỗ không tịch, thì các tướng ưu não tự tiêu diệt. Muôn duyên nhu nhuyễn hay cưỡng mạnh đều không thể khuấy động. Đến sáng sớm thì có Thần tăng hiện đến nói rằng: “Kẻ chế ngự được địch thắng được oán tặc thì có thể cho là dũng mãnh. Nhưng qua cái khó này không ai bằng thầy. Nay đã an ổn rồi thì nên thuyết pháp. Nếu cầu xin thuyết pháp thì có thể đặc ý, chứ không thể dùng văn mà chép lại. Nên ở trong lời nói mà tùy diễn giải rõ ràng. Cho dù có vạch mây thấy mặt trời cũng không thể hiểu .

Ngài lại hỏi:

- Đại Thánh là ai? Pháp môn đây gọi là gì? Học và hoằng truyền như thế nào?

Đáp:

- Đây gọi là Nhất thật đế, pháp học là Bát-nhã, pháp tuyên nói là đại Bi.

Từ đó về sau đối với mọi người ngài đều tỏ ra cho biết sự tu hạnh Đầu-đà đã xong, muốn quay về Phật long mà vui cảnh gió mây sơn thủy quên hết ngoại duyên. Bên trong thì thâm thiền đặt tuệ diệu dụng an vui. Nhưng Phật long gian nan cách trở, thuyền xe không thể đến được. Năm đó mất mùa Tăng chúng đều hóa duyên, Pháp sư lúc này tuệ nhãn đã thông thả, chỉ trồng rau ăn trái mà an bền không lo lắng.

Bỗng có chiếu của Trần Tuyên Đế nói rằng:

- Thiên sư là bậc Long tượng hùng kiệt của Phật pháp đương thời, những lời tuyên huấn của người xa gần đạo tục đều khát ngưỡng. Nay cất huyện Thỉ phong phải cung cấp đầy đủ phí tổn và điều chúng lên đó cùng hai hộ dân để cung cấp việc củi nước. Chúng nhân đó tụ lại đông đúc nên ngài không lấy làm vui thích lắm.

Lúc này có Viên Tử Hùng ở Quận Trần đi vào rừng cách một trăm dặm. Lại có một vị tên là Sùng Nghiệm Dân hai người cùng đi lên núi giảng kinh Tịnh Danh liền ở lại tu trì trai giới. Chuyên tâm nghe pháp. Một hôm Tử Hùng thấy trước giảng đường có một ngọn núi Lưu ly phát ra ánh sáng rực rỡ. Ở phía Bắc quả núi có khe nước chảy quanh dưới đáy đầy ngọc đẹp. Phía trên có cầu vòng lấp đầy ngọc báu trang sức. Có khoảng mười vị Phạm tăng, tay bưng lò lửa từ trên núi mà đi ra rồi bước

lên cầu đi vào giảng đường tề chỉnh oai nghi đầy đủ khói hương thơm ngát trời. Tử Hùng hỏi Sùng Nghiệm Dân. Sùng bảo là không thấy.

Tử Hùng nhân đó mà phát tâm sửa sang lại giảng đường. Việc này chẳng phải là khó khăn. Giảng đường ngày nay vẫn còn ở tại đó.

Nhưng núi Thiên thai nền chùa gần nơi biển lớn. Dân cư ở đây đều theo nghề ngư phủ. Họ đắp bờ ngăn khe nước để dẫn cá. Đến mùa thu thì nước dâng lên đầy khắp cả bờ. Đêm ngày triều nước dâng đầy cả nơm cá, tiếng kêu gào của biển cả của các loài thủy hải sản vẫn không ngớt. Chẳng phải chỉ có loài thủy tộc mới bị thương như thế, mà thuyền nhân qua lại cũng thường bị nhận chìm. Thấy vậy tiên sư động lòng thương cảm, liền đem cả thân mình cùng y phục chuộc một phần đầm ao để làm chỗ phóng sinh sau này.

Sau đó, ở người tên Hủ Lâm ở huyện bên tỉnh sư giảng kinh Kim Quang Minh và chấn tế cứu vật vô biên. Bảo vật khi ấy trong hang cũng hiện ra. Ngài đem tâm từ tu thân thì người thấy đều hoan hỷ. Đem tâm từ tu khẩu thì người nghe đều được phát tâm. Ngày ân cần dẫn dắt người tu thiện hiểu rõ lý nhân quả, phù hợp với hoàn cảnh của ngư dân, cải ác làm lành, lấy lòng hiếu sinh mà bớt việc sát sinh. Dòng nước xiết dài hơn ba trăm dặm. Các khe đập để đánh bắt hải sản hơn sáu mươi chỗ. Đồng thời đều bỏ hết tạo thành ra một sông pháp. Một ngày cứu tế cả vạn ức số, đâu chỉ dừng cả ngàn thôi đâu. Các ghe thuyền qua lại trên sông đều được nghe giảng phẩm Lưu Thủy. Lại phân phát lương thực đầy đủ tài thí và pháp thí. Thuyền ra khỏi cửa biển thì đến núi phù dung. Rồi hợp lại cao vút như hoa sen hồng mới nở. Những hòn đá nằm ngang rủ xuống giống như hoa héo sắp rụng. Thấy bèn nói lại giấc mộng năm xưa thấy đi trên biển cũng giống như thế. Sa-môn Tuệ Thừa, cùng với thủ quỹ Huyền Trí trước tác lại sách văn thơ vịnh nhiều nhưng không chép lại. Hủ Lâm sau đó trở về kinh đô. Chỉ chuyên vào việc tọa thiền. Còn các việc khác thì giao cho Quan Đình Úy, học pháp và nhớ lời dạy của tiên sư, nguyện hết lòng thâm cứu. Một đêm nằm mộng thấy cá nhiều cả vạn ức không thể tính hết, đều bắn nước thấm ướt vào người của Hủ Lâm. Sáng hôm sau có chiếu chỉ bắt tội Hủ Lâm thì vào lúc đúng Ngọ, đột nhiên có một đám mây lành, đủ các màu vàng tía trắng đỏ, hình trạng như vầng nguyệt sáng tỏ, tụ ở trên hư không, từ xa bao phủ cả dải chùa. Lại có một bầy Hoàng Tước (chim sẻ) bay lượn trên không, cất tiếng kêu rầm rĩ rồi đậu lại trên mái nhà đến nửa ngày rồi mới đi.

Pháp sư nói: “Bầy cá ở sông hóa thành Hoàng tước bay đến đây

để tạ ơn đó.” Thấy liền bảo môn nhân là Huệ Bạt đến Kim lăng dâng biểu.

Vua Trần Tuyên Đế lệnh chiếu rằng:

- Nghiêm cấm việc đánh bắt cá nơi đó và làm nơi phóng sinh mãi mãi về sau này.

Trần Đông Cung hỏi Tử Lăng rằng:

- Công đức của ngài Thiên Thai ai có thể viết bia ký.

Đáp:

- Xin để thần chấp bút. Đến khi vua Tuyên Đế băng hà việc vẫn chưa làm được. Khi đó Quốc Tử sắc lệnh cho Sái Tửu, Từ Hiếu khắc cây làm bia. Bia đến nay vẫn còn ở trên núi. Người xem ai cũng rơi lệ.

Khi đó thái tử Trần Văn Hoàng. Dương Vương Xuất phủ Âu Việt, đều rất ân cần tín tâm, tìm đến nơi hoang vắng mà tu các pháp Phương đẳng, quyến thuộc cũng cùng thọ lãnh tịnh giới. Ban ngày thì nghe giảng pháp, tối đến tập tọa thiền.

Tôn sư hỏi đệ tử Trí Việt rằng:

- Ta muốn khuyến hóa vua tu phước trừ họa có nên chăng?

Trí Việt đáp:

- Phủ liêu nay không còn cự thần tất không cần sự nóng lạnh.

Thầy nói:

- Dứt việc cơ hiểm ở đời cũng là làm việc thiện.

Sau đó vua đi du ngoạn bị té ngựa mà chết.

Trí Việt lúc này mới cảm thấy hối hận. Nên vì tiên sư mà tự mình khuyên đại chúng làm lễ Quan Âm cùng sám hối. Chuyên tâm trì chí thành cùng với Vương Giác, Tiểu Tĩnh tọa thiền, Vương Giác khi đó thấy một vị Phạm tăng tay cầm lư hương thẳng đến hỏi Vương Giác rằng:

- Việc đời trị loạn như thế nào?

Wương Giác xuất mồ hôi mà không đáp được. Vị Tăng bèn đi nhiễu quanh Vương Giác một vòng, khói hương bay phản phát khắp bên hữu. Đột nhiên bao nhiêu phiền não ưu tư đều dứt sạch. Giới tuệ ngày trước tu trì bấy giờ hiện ra rõ ràng trước mắt. Nếu không muốn sinh tín tâm há có thể được. Thế là liền làm nguyện văn rằng:

- Ngưỡng nguyện ngài Thiên Thai A-xà-lê là bậc đức độ an viễn. Đạo hạnh tỏ sáng khắp xa gần, chấn tích vân tụ, đem chánh pháp cứu độ hết chúng mê lầm. Nguyện tuệ nhật ngày thêm tỏ sáng, cứu vượt kẻ trầm luân. Lại đem pháp môn quán thông hết cõi Thiên uyển, kết hữu vi để xa lìa hẳn vô sinh ngay hiện tại. Đệ tử nghiệp chướng mê mờ,

trầm luân trong biển ái. Tuy được nghe pháp lạc mà không thâm nhập tâm, được soi thiền duyệt mà trọn đời tâm tán loạn lo toan. Ngày thì dong ruổi như ngựa không cương, khi trăng tỏ thì quay đầu trở lại, gặp bóng hăng nga thì khó mà dừng được. Có hợp có tan nên không dứt. Yêu pháp, kính pháp cứ dần dà không thôi. Nguyên đời đời kiếp kiếp sinh ra được gặp Thiên Thai Trí giả hằng tu phước cúng dường. Như ngài Trí Tích phụng thờ Trí Thắng Như Lai. Như Dực vương hầu cận Đấng Chánh Giác Điện Âm. Cùng an dưỡng nơi cung trời Đâu xuất lãnh thọ Nhất Thừa. Tiên sư tuy hoài bảo ở chốn sơn động xa xôi, mà tiếng vang khắp cả thành thị thôn ấp, dù ẩn mình chốn thâm u mà tuệ vẫn tỏ sáng. Trần Thiếu chủ lại hỏi quần thần:

- Đệ tử thích môn ai là bậc danh thắng?

Tử Lăng đáp:

- Chính là Thiên sư Ngổa Quan. Đức độ vang khắp muôn phương. Thiên vị soi cùng cả biển cả. Ngày trước du hóa ở đất kinh kỳ thì quần hiền đều theo học. Nay lên đỉnh Thiên Thai thì pháp vân ngàn ngút ở hướng Đông. Vĩnh dương Vương Bắc Diện đích thân phụng thừa. Xin bệ hạ xuống chiếu mời ngài trở về kinh thành hoàng dương đạo pháp để cho đức tục được nhờ ơn.

Trần chủ, ban đầu truyền cho quan tả hữu là Triệu Quân Khanh; lần thứ hai vua viết thư đưa cho Chu Lô lệnh; lần thứ ba truyền chiếu; lần thứ tư sai Đạo nhân Pháp Thắng tự tay vua viết thư, đều hết lòng khiêm hạ mà không xưng là Trần chủ. Lại sắc các châu huyện đón tiếp. Vĩnh Dương Vương can rằng:

- Chúa thượng vì mình và triều thần mà cung thỉnh Pháp sư một lời nói lợi ích thì bốn cõi đều nhờ. Nếu từ bỏ chốn thâm sơn thì lòng từ bi sẽ có ngăn cách. Đệ tử vì bạt nhược còn chưa độ hết. Nếu bỏ đi đến kinh kỳ thì lòng làm sao được yên.

Tôn sư nghe lời thỉnh thì tự xét mình vô đức không thể đi được. Lại ở chốn u huyền thì thân này há cho chạy theo nghiệp duyên cuồng lãng. Như vùng Thủy lăng này dù có lửa cháy cũng chưa đủ. Nhưng đến Kim lăng, trên đường sẽ gặp hai việc. Đầu tiên là quan tả hữu Hoàng Kiệt Bảo đem sắc chỉ đến, kế đến là thư của Trần chủ. Trần Kiến Tông mời đến cúng dường tứ sự và rất ân cần ở phía Đông. Lập thiền cúng ở nơi Linh diệu. Khai Thích Luận ở Đại cực. Lại giảng Nhân vương Bát-nhã.

Bên hữu thì Trần Chủ tự thân đến nghe pháp. Tăng Chánh Tuệ Hằng, Tăng Đô Tuệ và nhiều vị có trí hùng biện, đều phụng sắc chỉ,

làm những việc khó làm. Mùa Đông nước dâng lên cao làm xoáy lở. Còn mùa hạ làm âm âm tiêu hết. Thiên tử vui vẻ thì trăm họ cũng đồng cung kính theo.

Khi giảng xong thì Tuệ Hằng cầm lư hương xướng lên rằng:

- Cả nước hơn mười ngày. Nghe giảng bốn lần, văn chương triết lý đạt được kỳ môn. Ngày nay tinh tú đã ra, thấy rõ mọi điều hay xấu. Do đây mà cạnh tranh không ngừng. Tức liền ngồi tọa thiền hết lòng cung kính. Trong bảy đêm tĩnh lặng thì công lực của ngàn cánh hoa vi diệu đều là đấng Pháp vương.

Trần chủ đối với ân đức sâu dày đó liền lễ tạ rằng:

- Chỉ có Phật pháp là chỗ quy ngưỡng, xin nguyện khai thị cho những điều chưa rõ. Đời nhà Trần việc kiểm soát Tăng Ni chưa thông suốt. Vạn người bàn luận kinh sách vẫn chưa hợp với lẽ đạo.

Tiên sư khuyên rằng:

Ngày tung cả vạn lời mà không sao tránh khỏi vào địa ngục. Duy chỉ hành trì một bài kệ mà đắc quả A-la-hán. Học kinh hiểu đạo há là quan trọng ở chỗ nhiều ít. Trần chủ nghe xong thì rất vui, dừng lại việc tra cứu. Nhưng đạo pháp linh diệu không qua được nơi biên ải. Nên Pháp sư càng cầu sự nhân tịch, lập chúng tu thiền. Một đêm nằm mộng thấy một người, dáng vẻ rất nghiêm nghị tự xưng là Quan Đạt thỉnh ngài đến Tam Kiêu.

Sư nói Quan Đạt là pháp danh của Lương Vũ Đế. Còn Tam Kiêu há chẳng phải là nhà Quang Trạch đời đến đó sao? Tháng tư năm đó Trần chủ làm lễ đại thí tại chùa. Sư lại giảng kinh Nhân vương Bát nhã. Khi nói kinh xong, Trần chủ ở trong đại chúng đứng dậy lễ tam bái. Vua rất tôn trọng kính ngưỡng, thâm nhập kinh tạng. Thái tử cũng mượn thuyền bè cùng đến học giới pháp, đều tôn sùng và theo lời dẫn dắt của tiên sư. An dưỡng đạm bạc cũng chạy theo cái vui của trần thế. Hoàng thái tử có làm bài thỉnh giới văn rằng: “Đạo pháp sâu xa khắp trời Nam, cung nghinh hóa đạo, tùy cơ hóa độ muôn phương. Có bậc vệ hộ quốc sĩ dẫn dắt nhân thiên. Đem ánh đạo chiếu soi, thấy bạn đều lưu dấu. Tỳ-kheo nằm mộng thấy điềm lành chẳng bao lâu có hòa thượng đến. Là bậc phẩm hạnh đạo đức cao siêu, tư cách rất khác người, mười cõi đều khác ngưỡng, tứ chúng đều nương về. Hàng nhị thừa nội ngoại nhị giáo cũng đều tôn kính sư. Đạo do đây mà phát khởi. Các nơi cung nghênh kính thỉnh, xin nguyện đời đời kết duyên. Đều tùy theo bản nguyện đó mà ngày đêm được tăng trưởng. Ngày nay là mừng năm tháng hai, ở trong điện Sùng Chánh có thiết lễ truyền pháp. Pháp hội có

ngàn vị Tăng. Phụng thỉnh thầy làm giới sư Bồ-tát. Lại khiến cho Chủ thư là Lưu Tuyền phụng thỉnh v.v... lúc tiên sư cầm hương khẩn nguyện thì rơi lệ. Ngài nói nên làm thiện để tránh sự phản trắc trở về sau. Đến khi nhà Đại Tỳ tôn tính nhà Trần. Lúc đó mọi người mới hiểu được lời này. Kim lăng đã bại trận cả vùng Kinh châu và sông Tương cũng không còn. Tiên sư đi trên đường, nghỉ lại trong bốn thành bỗng nhiên nằm mộng thấy một vị lão Tăng nói rằng:

- Xưa Đào Khản mộng thấy điềm lành mà hết lòng cung kính giữ gìn.

Thế là Tiên sư đi đến núi Khế khuông thấy có tượng của Huệ Viễn. Nghiệm thấy linh ứng với điềm Pháp sư thấy ở Nhạn môn. Chẳng bao lâu ở đất Tầm Dương có phản loạn, khắp nơi chùa chiền đều bị đốt phá. Riêng ở tại núi này là không hề gì? Bởi do công đức hộ tượng vậy.

Tần Hiếu Vương sai sứ đến cung thỉnh. Sư nói với sứ rằng:

- Tuy lòng có muốn tương kiến, mà sợ không có duyên.

Nhưng sứ nhân cứ thúc giục mãi nên không thể dừng được. Khi thuyền sắp nhỏ neo thì gặp cơn bão lớn suốt mấy ngày liền. Yêu tặc nổi lên làm sóng gió ngăn không cho tàu đi được. Đến khi đem Tôn tượng lên thì tàu vượt đi cả ngàn dặm. Tiếng tam đều vang xa, bậc hiền sĩ đều quay về. Sau đó vua nói với sứ rằng:

- Tôi cùng đại vương có nhân duyên sâu xa, sẽ được thuận buồm xuôi gió, không bao lâu thì đến. Bậc Bồ-tát có đầy đủ luật nghi cũng từ đây mà lãnh thọ. Tiên sư lúc đầu trình bày là mình ít đức, kể đến là nhường lại cho bậc Danh tăng, sau cùng là nêu lên những vị đồng học.

Sau ba lần từ chối mà không được, ngài liền xin bốn điều nguyện:

1. Tuy có hiếu học, nhưng việc thiện hành không xứng pháp, năm nay tuổi cũng đã cao, chỉ lo việc tu sửa mà thôi. Còn việc võ ngược luận tâm chỉ là giả danh mà thôi. Thối phồng ở đây kia khiến cho kẻ xấu nghe càng thêm lỗi. Nguyện xin chớ đem thiện pháp ra để khi dối người.

2. Vì sinh ở cõi biên địa, lớn lên lại gặp cảnh loạn lạc ly tán, thân không được học hành, lời nói thì vụng về, bên ngoài thì hư huyễn. Từ lâu chẳng phải là miền Tây vực, một lúc lễ tiết cũng không giữ được. Tuy muốn cẩn thận mà trọn đời chỉ sợ sự bực trực ngang nghịch với người, nguyện không làm trái với quy củ.

3. Muốn truyền đăng Phật pháp để báo pháp ân. Nếu thân giữ



giới phạm mà những giới nặng nên bỏ thì lại bỏ. Như phạm giới mà lại truyền pháp thì là khuyết phạm. Còn khinh giới thì lại xem thường chỉ biết ty lại thân an. Như nay ra truyền pháp thì nguyện vì pháp mà chớ hiềm trách khinh trọng.

4. Hơn ba mươi năm ở chốn Thủy thạch, nhân đó mà thành tánh. Nay Vương Đồ đã có, Phật pháp cũng lại hưng thịnh. Nay tam thừa thọ ân đã khai hóa cho mọi người. Nguyện đem tâm lực để báo ngoại d. như ở các nơi xa xôi, xin nguyện bố thí ẩm thực để cứu giúp quần sinh. Như được bốn điều ấy thì xin đi.

Vua vì muốn học tịnh giới, nên mọi điều nguyện của sư điều hứa khả. Sau đó lại thỉnh văn rằng: “Đệ tử lâu đời tích thiện nên được sinh vào chốn Hoàng gia. Sớm tối đều theo quy của chốn cung đình. Nay lại biết giác ngộ tạo phước tu huệ. Nhưng tử thẹn chỉ mãi đi trên lối nhỏ, mà chưa thấy ánh sáng Đại thừa. Vui thích dừng lại ở nơi hóa thành. Thệ nguyện đưa thuyền đến nơi bờ giác, mở ra muôn hạnh, trì giới tu thiện làm điều tiên quyết. Bồ-tát đem pháp Thập thọ đặc biệt tối thượng, dù như tạo cung thất phải đắp nền móng trước tiên, còn mượn cảnh hư không thì không thể thành tựu. Khổng lão hay thích đạo cũng đều có khuôn phép rõ ràng, nếu không có lễ nghi thì kính ngưỡng an lạc. Thành bậc văn nhân vốn từ nơi bậc Hòa thượng. Ngài Văn thù ở chốn U minh mà làm bậc A-xà-lê. Làm thầy của trời người truyền thánh giáo đạo mầu khắp mọi nơi, xa thì tùy theo cảm mà ứng biến. Đem ánh sáng tinh hoa soi sáng khắp nơi. Thiện tài thì quên thân ở nơi pháp giới, thuyết kinh thì theo minh văn chứ chẳng phải là phỏng nói. Thâm tín lời Phật dạy, cầu học đạo khắp nơi, làm bậc Long tượng của Phật pháp, giới hạnh thanh tịnh như viện châu. Do định tĩnh lặng mà được phát tuệ, đem pháp vô ngại trước làm lợi ích cho người rồi mới tới mình. Khiêm cung mà thành đức, danh xưng xa gần đều nghe tiếng. Vì thế nên đệ tử xin kiến thành đảnh lễ từ xa, chỉ sợ rằng duyên chưa gặp. Rồi khi tâm yên tĩnh lặng, bỗng nhiên gặp được mây mù mà tiêu sạch phiền não.

Đến năm Khai hoàng thứ 11, vào ngày 23 tháng 11. Ở nơi điện Kim thành Tổng quản, thiết giới hội cả ngàn vị tăng, vua kính cẩn thọ Bồ-tát giới. Lấy giới gọi là hiếu, cũng gọi là chế chỉ, dùng phương tiện trí độ mà quy ngưỡng phụng trì. Lấy đây làm thắng phước phụng đạo chí tôn, đem lòng Từ mẫn đồng với Như Lai, tâm thương xót cùng với chư Phật. Thấy chúng sinh tựa như con nhỏ, mà hết lòng cứu giúp.

Sư nói:

- Đại vương tuân theo lời Thánh dạy. Cho nên đáng gọi là Tổng

trì.

Vua nói:

- Đại sư truyền Phật pháp, xứng danh là bậc đại trí tuệ. Làm lợi ích cho muôn người. Thọ của Đàn-việt hơn sáu trăm loài, đều đem thí lại cho chúng sinh, càng cho phước đức thêm nhiều.

Khi làm việc Phật sự cho đất nước xong ngài liền lên thuyền trở về sơn động. Vua xa giá cờ lộng đưa đến sông Quý châu, hộ tống cung nghênh rất long trọng. Gặp gió thuận xuôi buồm, sáng ra khơi thì chiều đã tới nơi, đến bờ thì hoàng đạo, tục xa gần đã chờ đợi cung nghênh. Già trẻ lớn bé đều đến nơi giới tràng nghe pháp. Lúc ấy có hơn năm mươi người ở trong chỗ thính pháp nhận thấy nơi đây chưa có đạo tràng, nay mặt trời tuệ đã tỏ soi, nên tạo lập phước đức. Thế là nơi núi Ngọc Tuyền huyện Đương dương cùng nhau lập Tịnh xá. Rồi dâng biểu xin sắc tứ ngạch đặt danh hiệu. Rồi cùng trùng tu chùa Ngọc Tuyền. Nơi này vốn là vùng đất hung hiểm, quỷ thần thú dữ rất nhiều.

Nên ngạn ngữ có câu: “Nơi chốn đầy tam độc, người đến thấy ghê lòng, (tam độc chỉ tẩu, tiền giả hàn tâm).

Trong thời gian chùa được sáng lập thì tiên sư không có điều gì ưu tư. Từ mùa Xuân qua đi, Hạ gặp lúc nắng hạn bá tánh đều cho là quỷ thần nổi giận. Cho nên bậc trí giả, tự đến nơi đầu nguồn của dòng suối diệt trừ tà kiến này. Miệng thì đọc chú nguyện tay thì vung lên chỉ khắp nơi. Bỗng chốc có mây đen từ Lũng sơn kéo đến mù mịt. Cầu vồng rực rỡ dài bắt ngang qua suối. Mưa gió khắp trời, ca vịnh đầy lộ. Các quan Vương công tổng quản ở Kinh châu đều đến núi lễ bái mà trong lòng không an, cùng bước ra mà nói rằng: “Trước kia mấy lần trải qua quân trận gặp lúc lâm nguy mà vẫn không hệ nao núng. Chưa có lần nào cảm thấy lo sợ như hôm nay. Năm đó vua sai sứ đến Kinh châu, người ở các phương đều đến đây lễ bái kỳ vọng ngày một đông. Đạo tục ở vùng sông Hoài cũng vui vẻ đến chiêm bái.

Đại Vương tu hạnh Thí ba-la-mật đến trước bờ kia. Đem Trí ba-la-mật. Nay làm bài thỉnh văn rằng:

- Đệ tử thật nhiều may mắn được lãnh thọ ân đức của Tôn sư. Từ vô lượng kiếp đến nay ắt đã từng khai ngộ. Ngày nay được sắc tâm vô tác do nhiều đời kiến thọ đạo mầu. Thân tuy còn sơ lậu mà tâm được hạt minh châu. Cành gốc của định thiên cũng đều quy tụ về lĩnh giác. Gánh vác việc quốc gia làm thần làm tử. Há chẳng phải nhờ vào tứ duyên mà nhập vào trong Tam-muội. Ánh sáng đại tiểu cũng tùy loại khác nhau, tuệ giải thoát nhân tình bằng hữu cũng không ít. Ngày nay muốn đem

trí đoạn học đạo mà làm pháp dụng để trị quốc, không biết là ở cõi này có thể khai hóa được không? đem nghiêm đạo của Tôn sư có thể hàng phục được không? có chút thiện căn nhiều đời có thể phát triển khai mầm được không? Bồ-tát ứng hiện có thể lưu lại được không? Kinh thư nói rằng: Ba người cùng đi cũng có một người là bằng hữu, hướng chi luận đàm Thích điển mà không nương theo thầy, chỉ luận là nay lời nói chưa đủ để bày tỏ, khi thành tựu được sự việc rồi, xin bỏ những lời trau chuốt này.

Đáp:

- Nhân tình mạo nhận theo dấu tích của Tôn sư. Nếu chỉ cảm nhận bên ngoài thì chẳng thể hứa được. Hướng chi bậc Long cao tôn quý mang lệnh không thể sai lời. Nếu còn trầm ngâm nghĩ ngợi tất là trái với thâm lý diệu mầu.

Việc học đạo quý ở chỗ nương theo thầy mà luận sự, mong cầu trong khắp pháp giới mà tâm vẫn giữ trụ. Đó là do thiện căn trồng đã nhiều đời chứ chẳng phải đời này mà được. Ban đầu do nơi học đạo mà thoát chốc gặp được Thánh cảnh. Nam Nhạc thuyết pháp Đệ nhất, bỗng chốc ánh sáng chiếu rọi đã không còn nữa. Sau đó vua có thuật đầy đủ điều này. Lúc bấy giờ tâm rất là hoan hỷ chí thành. Ngài Trí Giả xưa vào trong cung nhà Trần. Người nước kia bèn thử tài của Ngổa Quang nên cùng các bộ luận mà tranh biện. Vinh Công mạnh miệng nói liền bị bẻ gãy. Hái viên ngọc Quỳnh cùng giao chiến mới thấy được sự tinh túy giao hòa. Nhẫn sư tán thán là việc ít có. Hàng đệ tử rất cung kính ngưỡng mộ, mới biết pháp vô úy giải thích thật khó khăn, tự thân nghe thấy càng thêm cảm phục. Trước ở nước Sở không ai mà không tin phục theo. Phi thiên vô trí đều nghiệm ở nơi Kim khẩu cũng như nghe bậc Danh tăng thuyết pháp, bậc trí Giả dung hội rất có thứ bậc, cũng như trăm sông cũng quy về biển lớn. Sự bao quát nêu ra đây mới đặc được ý Phật. Duy nguyện người chưa đắc đạo khiến cho đắc, người chưa độ khiến cho được độ. Điều ưa thích nói các pháp thí không cùng.

Cũng lại khiến cho Liễu Cố nói các việc khổ thủ kiến bái v.v...

Ngài Trí Giả luôn từ khước mà không được, bèn trước tác kinh số Tịnh Danh, Liễu Cố ở Hà đông nói:

- Ở Từ lăng Đông hải đều có bậc anh tài lỗi lạc. Đối với văn chương nghĩa lý đều ẩn chứa càng sâu xa.

Vua cũng thọ trì, nay vua nhập triều từ giả Đông lãnh, dân chúng đều lo quét dọn đường xá, đào ao đắp đường khiến cho khắp nơi chùa chiền đều hoang phế. Phàm trong mười hai năm không có dấu chân

người khiến cho cây trúc đều mọc thành rừng.

Một hôm Ngài trở về đến nửa chân núi bỗng thấy một vị Sa-môn râu tóc trắng xóa, cầm thiết trụng đi trên đường, mọi người cùng thấy rồi cùng đi đến gần, thì thấy vị ấy đi rất lặng lẽ như bậc Thánh nhân. Ngài Trí Giả thích nơi sông núi, cầm thiết trụng nhân du đây đó cùng ngâm nga rằng:

- Tuy ở đại nhân gian mà không quên chốn núi rừng u nhã. Tịch tĩnh yên bình tự chiếu soi há chẳng vui sao?

Sau đó một đêm trời trăng sáng chiếu tỏ. Ngài ngồi thuyết pháp rất lâu, như bị người vấn nạn.

Người thi giả sáng hôm sau hỏi rằng:

- Chuyện đêm qua thấy đó là do nhân duyên gì?

Ngài đáp:

- Ta lúc đầu nằm mộng thấy gió lớn thổi đến làm băng hoại cả bảo tháp, kế đến phạm Tăng đến nói với ta rằng:

- Duyên như cũ mà sự chiếu dụng thì như lửa. Sự hỗ trợ như gió mà tam chủng đều đầy đủ. Thế nên việc hóa đạo phải thực hành rộng rãi ở đất này thì sự ảnh hưởng và cơ dụng sẽ cùng tận. Sự hỗ trợ cũng dứt cho nên đến đây cùng cáo biệt. Lại thấy Thiên sư Nam Nhạc cùng Thiên sư Hỷ đến nói pháp cho ta nghe. Tức liền nói rằng:

- Các pháp khác danh nghĩa đều rõ, tự xét chỉ có Tam quán và Tam trí. Lúc ban đầu gặp mặt đã từng nói với ta rằng:

- Ở phương kia sự tương vọng mong chờ đã lâu, duyên tới thì nên đến đó, bọn ta cùng hộ tống. Ta đánh lẽ vâng dạ, đây chính là hiện ra điềm chết vậy. Ta nhớ lúc xưa nằm mộng, lúc lâm chung ở tại đất này, cho nên mỗi khi trở về núi thì vui mừng, nay lại phụng thừa theo lời minh cáo của người xưa. Thế nên biết là không bao lâu nữa sẽ chết. Sau này nên quán ở phía Tây nam của ngọn núi, chất đá chung quanh, trồng cây cối che phủ. Lập hai bạch tháp khiến cho người thấy phát tâm Bồ-đề.

Một lúc sau lại nói với đệ tử rằng:

Người thương buôn thì dựa vào kim ngân, y dược thì có thuốc thang. Ta tuy không sáng suốt nhưng đối với kẻ cuồng tử cũng sinh tâm thương xót, khi luận về khẩu thọ tâm quán, thì tùy theo lời nói chú sớ lại cho thành tựu chớ không điểm nhuận thêm. Bản luận này vốn riêng biệt nên đến tháng mười mùa Đông muốn vì sao lại trở nên tốt đẹp, khiến cho người hành giả tham luận càng cao, lòng hiếu tín đi vào trong núi mà thỉnh phụng. Nhân đó mà đem thập vật ra cúng thì cho kẻ nghèo,

dưới chân núi không có cọc tiêu để định hướng được hiện đường. Lại họa vẽ việc xây cất chùa làm biểu thức để lại cho Tăng chúng. Như nền móng ở đây mà đắp cao ráo, ta nhận thấy trước mặt ngôi chùa rồi sẽ thành tự. Khi ta mất rồi ất sẽ không được thành tự. Các người sau này, nếu tạo lập chùa thì cứ y theo pháp này.

Đệ tử nghi ngờ hỏi:

- Ở đây sông núi đều hiểm trở, làm sao có đủ duyên lực để tạo ra cảnh chùa.

Sư đáp:

Đây chẳng phải là tiểu duyên mà chính là việc làm của vương gia.

Tăng chúng đều nghe lời này, ai cũng thắc mắc dò hỏi:

Vua ấy tên họ là gì?

Hoặc hỏi:

- Vua là Thiên vương?

Hoặc hỏi:

- Vua là quốc vương?

Ai nấy huyên não bàn luận mà vẫn không nhất quyết được. Nay sự việc đã chứng nghiệm, mới biết lời yếu chỉ trước kia. Vua đó chính là Đế vương. Nóc mái nền móng của chùa, vua tùy theo đó mà chở đến núi, nhả đến việc làm thành bằng đá đều như lời nói.

Khi tiên sư có bệnh thì liền nói với Trí Việt rằng:

Đại vương muốn cho ta đến, ta đã không phụ lời thỉnh mà đến. Ta biết mạng sống cũng ở tại đây, cho ne không cần phải đi đâu nữa. Thạch thành là Tây môn của Thiên thai. Thiên Phật là chỗ linh tượng sau này. Về sau nên dụng tâm như thế mà làm. Các y bát đạo cụ nên phân ra làm hai phần. Một phần dâng cúng Đức Di-lặc, một phần sung vào Yết ma. Khi vua nói xong thì đặt lưng mặt xuống hướng Tây mà nằm, chuyên tâm niệm Di-đà, Bát-nhã, Quán Âm.

Đệ tử xin dâng thuốc uống thì sư nói:

Nếu uống thuốc mà có thể làm cho bệnh này hết hẳn chẳng? Bệnh không cùng với thân hòa hợp thì thuốc cũng chẳng làm gì được. Tuổi đã không cùng với tâm hợp, thì thuốc cũng không lưu được thân này.

Trí sáng mà ngày đã tàn thì cũng không còn nghe được gì? Quán ở trong tâm luận thì đâu còn gì để phân vân, thuốc thang càng thêm phiền phức.

Đệ tử lại thỉnh xin thầy thọ trai.

Sư bảo:

- Chẳng phải lưu hình mà thọ dụng. Nếu có thể là vô duyên vô quán thì đó mới thật là tịnh trai. Ta bình sinh lao lung độc trí, thấy sự chết là an nhàn như trở về nơi tịch diệt, không có gì phải than thở, khi ấy miệng đọc tụng kinh sách, tay cầm kinh tượng bốn mươi sáu chữ Liên hoa đều đọc lưu loát. Đại vương nguyện đem hương hoa bảo hộ sách như ý đầy đủ riêng biệt.

Tiên sư dặn dò xong rồi thì sai đem y bát giặt rửa sạch sẽ. Xướng tụng hai bộ kinh để làm tư lương sau cùng và khi nghe xong kinh Pháp Hoa thì tán thán rằng:

Pháp môn là cha mẹ, tuệ giải đều do đây mà sinh ra. Bốn tích thì rộng lớn vì diệu vô cùng không thể nói hết được. Hơn bốn mươi năm tri thức ẩn chứa, nào ai có thể giải bày, duy chỉ hôm nay mới được người soi sáng. Những điều chưa rõ nay đã được tỏ bày.

Khi nghe kinh vô lượng thọ xong liền khen rằng:

Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm cõi Tịnh độ. Ao sen cây báo không phải dễ gặp. Người trong biển lửa một khi thấy thì liền cải hối, mà được vãng sinh hưởng chi người có trí tuệ huân tu tịnh hạnh. Công đức hành đạo lực không thể mất. Tiếng Phạm âm chân thật chẳng khi dối người.

Lúc đang xướng đoạn kinh này thì quan thị Quán Ngô Châu là Trương Đạt cùng năm người bạn cùng thấy Ngài tự hiện ra vị Đại Phật. Núi đá bỗng lớn lên, phóng ánh sáng chiếu rực khắp nơi, rồi đi thẳng vào phòng của chư Tăng. Có lúc hiện ra điềm lành, hoặc có lúc hiện ra kỳ tướng, tuy ở khác nơi nhưng đều thấy như vậy.

Lúc xướng lĩnh xong, thì đưa nước hương xúc miệng, thuyết mười Như, bốn Bất sinh, mười Pháp giới, ba Quán, bốn Vô lượng tâm, bốn Tất-đàn, bốn Đế, mười hai nhân duyên, sáu Ba-la-mật. Mỗi một pháp môn đều nhiếp tất cả pháp. Đều có khả năng đem lại sự trong sáng thông đạt cho tuệ tâm. Nếu gặp lúc hoạn nạn bệnh tật, liễu đạt hết các pháp môn, thì hai mươi lăm người trăm vàng cũng có thể gởi. Nay ta nói pháp sách tấn người lần cuối cùng. Cảnh thiện tịch cuối cùng ta cũng đã đạt được.

Đệ tử Trí Lãng thưa rằng:

Xin nguyện đấng từ bi lưu dấu lại, để giải thích những điều chúng còn nghi. Sau khi thấy viên tịch sẽ về cõi nào và chúng sinh sẽ quy hướng với ai?

Đáp rằng:

- Các người đã trồng thiện căn, hỏi công đức của người khác chẳng

khác nào kẻ mù mà lại hỏi đường người đang vội vã, thì nào có ích lợi gì?

Thấy đại chúng rơi lệ, ngài vừa giận vừa trách:

Đã không tự tỉnh lại còn điên đảo cơ hiểm. Ta nay không bao lâu cũng sẽ vì các người phá trừ sự nghi bán. Quán tâm luận nay đã giải phải báo ân cho các người. Nếu ta không lãnh chúng tất sẽ tịnh được sáu căn, vì làm lợi cho người nên tổn hại cho mình, nên chỉ được lên năm phẩm vị mà thôi. Các người sẽ hỏi ta sẽ sinh vào cõi nào. Các thầy bạn của ta từ nơi đất Quán Âm sẽ đến đây nghinh tiếp ta. Còn hỏi các người sẽ theo ai mà tôn nghênh, chẳng nghe nói phải lấy Ba-la-đề Mộc-xoa làm thầy của các người đó sao? Ta vẫn thường thuyết Tam-muội tứ chủng, đó chính là đạo sư soi sáng cho các người. Nơi đó sẽ dạy cho các người xả bỏ mọi trọng trách, dạy cho các hàng phục được tam độc; dạy cho các trị được tứ đại; dạy cho các người giải được duyên ràng buộc; dạy cho các người phá trừ hết ma quân; dạy cho các người điều phục được thiền định; dạy cho các người chặt đứt mọi kiêu mạn; dạy cho các người xa lánh hết tà đạo; dạy cho các người ra khỏi hầm lửa vô vi; dạy các người lìa nạn đại Bi. Đây chính là Đại sư mà người có thể nương về. Ta cùng các người nhân pháp tướng mà hội ngộ, lấy pháp làm tình thân. Truyền tụng Phật đấng mà làm quyến thuộc. Nếu không đem ngọn đèn trí Phật để phá trừ ma chướng thì chẳng phải là đệ tử của ta.

Rồi dạy ngày Duy-na rằng:

Người sắp qua đời mà nghe tiếng chuông khánh càng tăng thêm chánh niệm. Phải càng lâu càng dài cho đến khi hơi thở dứt một lúc lâu. Chờ để khi thân lạnh rồi mới đánh khánh. Thế gian thường hay khóc lóc, thay đổi y phục là điều không nên làm, nói xong thì Ngài ngồi kiết già, xướng hồng danh Tam bảo, như nhập vào Tam-muội.

Đó là năm Khai Hoàng thứ 17 đời Đại Tùý. Tức ngày 24 tháng 11 năm Đinh Tỵ, giờ mùi thì nhập diệt.

Xuân thu sáu mươi tuổi, Tăng lạp bốn mươi tuổi. Lúc qua đời đỉnh vẫn còn nóng. Tuy thầy không cho bi ai khóc lóc nhưng môn nhân luyến tâm thương cảm khôn lường. Mặt trời đã ẩn, thuyền đã chìm sâu, vịnh biển không còn ân sư để kính ngưỡng nương về.

Tôn sư ngồi kiết già an tọa trong mười ngày, đạo tục xa gần đều tìm đến đốt hương rải hoa cúng dường. Ai nấy cùng nhiễu quanh lễ bái trong hơn mười ngày. Sau đó nhập vào trong thiền am. Bấy giờ mồ hôi thấm ra ướt cả thân, thấm qua lớp áo bông như tắm. Đã nhập vào trong Phật lũng rồi mà mưa hoa vẫn không dứt. Hàng đệ tử liền chú nguyện.

Nguyện ban cho thần lực mà cảm động đến cõi Nê-hoàn. Mây bay gió thổi, sông núi cũng kêu gào bi ai thảm thiết. Hàng đệ tử đạo tục, theo hầu linh cữu, đều theo lời di chúc mà làm. Am mộ tuy đã đóng mà diệu tích vẫn đây. Nay kính cần ghi lại mười việc sau.

1. Xưa thường diễn giải các kinh điển đặc biệt, mỗi khi có chỗ bất thông thì liền hướng về tịnh danh số mà chú nguyện rằng:

Xưa thân theo hầu thầy mà không dám tự quyết. Nay nương theo lời di chỉ, thì lấy gì để tỏ ngộ. Nếu tìm văn mà giải nghĩa, xin nguyện hiện thân thông, đem về cảm mộng. Chư Tăng tụ tập ở điện các vua. Tự nói nghĩa, giải thích những điều khó. Thấy ngài Trí giả từ hư không đi đến, rải xuống điện các bầy thứ báu vật san hô, rồi lại bay đi. Vua sau đó đã viết số văn đáp lại công đức di chiếu. Các tập ở trên núi đều có bốn văn riêng biệt. Hộ tống kinh một tạng. Chuông đồng hai cái. Hương đàn ủy tích y vật đều đầy đủ. Hoa của trời người rải xuống khắp đất chùa. Năm tháng cùng nhau tương vọng. Mỗi năm đến ngày húy kỵ, đều kiết trai phạn. Tư mã vương đều theo đó mà tạo dựng chùa. Chùa núi là cung thích ở đất này, cũng trang nghiêm tư lệ không kém. Từ khi sáng lập chùa cho tới nay đây là chốn xuân phượng. Cho nên nền của Hoàng thái tử là ứng vào điềm lành mà có, tên chùa là Quốc thanh, quả là chứng nghiệm. Điềm linh ứng liên tiếp nối nhau không ngắt. Xưa nay đều có liệt ra.

2. Chùa Thiên hương ở Chu phương, Sa-môn là Huệ Diên. Xưa kia nghe danh đất này liền đến tìm. Sớm giác ngộ pháp lành, nghe lời khuyên hóa, cảm ân di thần phụng kính tôn linh. Vì thế nhân đó mà chép kinh Pháp Hoa làm định kỳ. Nhớ lời minh thị tư duy lâu ngày mà mộng thấy Đức Quán Âm. Ở trên tháp cao bảy tầng. Ánh sáng rực rỡ đầy khắp nơi. Trí giả khi đó thân từ Đức Quán Âm từ hướng Tây đi đến. Huệ Diên ở trong mộng liền làm lễ. Tiên sư nói với Huệ Diên rằng:

Tâm còn nghi chằng?

Huệ Diên giữ kín lời này mà miệng chưa từng nói. Sau thấy được quán đảnh, mới biết là khi lâm chung đến thì được Quán Âm tiếp dẫn. Sự chứng nghiệm rất huyền diệu vô cùng.

3. Người ở đất này có Mã Thiệu Tông nhà rất nghèo. Thường cắt cả lúc trăm bó đem đến để cúng dường chùa Tăng. Vì làm lụng lao khổ mà thành bệnh. Trong tâm thường nghĩ: Ta thường hay cúng dường bố thí mà cảm được ân này, chưa rõ được chốn u minh có được phước báo không? Nhân đó nằm ngủ thấy mộng, thấy ngài Trí Giả ngồi kiết già ở trên giường. Hương đốt mịt mù mà vẫn an lành tự tại và dạy rằng:



Người nhà nghèo mà thích bố thí, vì sao lại còn nghi là không có phước, rồi ngài dùng lời từ mẫn khuyên lời giáo huấn.

Trong đêm đó mẹ, người anh và vợ của Thiện Tông cả ba người đều nằm thấy cùng giấc mộng. Sáng hôm kể lại thật là khác miệng mà cùng lời. Khí hương bay tỏa khắp nhà, cả ngày không ngớt. Cả nhà Tông đều cảm thán sự linh ứng thánh thật không sai.

4. Ngày 16 tháng 4 năm Khai Hoàng thứ 18. Tăng chúng ở Phật lũng vừa mới tọa thiền. Tiên sư hiện ra hình dáng như thường, tiến đến giảng đường mà lập án hạnh. Đạo tu của Thượng tọa chẳng bao lâu, đại chúng được chiêm bái phụng trì. Đến ngày 18 tháng 10 năm ấy, có Khâu Bưu là người huyện Liên thủy, Hải châu. Ban ngày phát tuệ ở trong am, đêm xuống thấy vị Tăng ấy đi vào nhà. Khâu Bưu liền lễ bái thưa:

Nguyện kính lễ này được an ổn không còn lo lắng.

Vị Tăng đi nhiều quanh chùa một vòng, Khâu Bưu cũng đi theo sau, cùng ra khỏi cửa chừng vài chục bước thì tự nhiên biến mất.

Đến ngày 12 tháng ấy. Có người ở huyện Lâm dương, Hải châu. Cũng thấy ngài Trí Giả, ở nơi am thất cũ, thấy hình dáng các sự tướng cũng giống như khi còn tại thế.

5. Ngày 6 tháng 11 năm Khai Hoàng thứ 19. Có người tên Trương Tạo, đã lớn lại bệnh nặng đến chỗ tháp của sư lễ bái rằng:

Sớm mong làm hương lửa để đời sau được độ thoát. Bỗng nghe trong tháp có tiếng, lại nghe tiếng đàn chỉ, Trương Tạo lại thỉnh rằng:

Nếu là bậc minh lực, xin ban cho thấy thần dị.

Liền có tiếng như lúc đầu. Trương Tạo khóc rồi đánh lễ, lòng luyến mộ quên cả trở ra.

6. Ngày 19 tháng 1 năm Nhân Thọ nguyên niên, ở huyện Vĩnh gia. Có vị Tăng là Pháp Hiểu. Bình sinh rất thích nghe Thắng đức. Lời truyền về diệu tướng của tiên sư. Ông ta hối vì không sớm được gần gũi gặp gỡ, vì thế mà sinh bệnh tâm. Cho nên tìm đến tháp sư đi nhiều một ngàn vòng bái một ngàn lễ. Đến tối thì cửa tháp tự nhiên mở ra, ánh quang minh xuất ra, làm tỏ sáng khắp cây cối cành lá. Cả chùa đều chạy đến để chiêm bái.

7. Ngày 13 tháng 8 năm Nhân Thọ thứ 2. Có người tên Tôn Bảo Trường ở huyện Lâm nghi, Nghi châu. Trước giờ ngộ đi đến tháp tiên sư phụng lễ rất tín tâm ân cần. Sau hết hạn kỳ, cũng một mình đến chỗ tháp. Từ biệt rơi lệ, hướng đến Tăng mà nói như thế.

8. Ngày 20 tháng 2, niên hiệu Đại nghiệp Nguyên niên, có người

tên Trương Tử Đạt, mẹ là Du Thị, năm lên chín, mười tuổi thì có bệnh, một chân bị gãy đi. Năm mười tám tuổi cảm thấy mình rất suy yếu, liền đi đến tháp của sư lễ bái phụng thỉnh thiết trai riêng rất chuyên chú. Bỗng thấy chân gãy duỗi ra, lại đi đứng bình thường như lúc nhỏ. Người mẹ rất vui mừng thương cảm, thấy người là thuật lạ. Rồi từ xa lễ bái ngài Thiên Thai để làm thường kỳ.

9. Đệ tử ở Kinh châu tên là Pháp Yển, ở Giang đô tạo ảnh tượng của Đại sư Trí Giả. Khi đưa tượng đến Giang tân thì tượng bỗng nhiên toát mồ hôi, lau rồi vẫn không khô. Đạo tục đều chiêm bái, như bình sinh vết mồ hôi vẫn còn.

10. Chùa Ngọc tuyến ở Kinh châu có làm bia đá. Lúc chưa khắc tượng của ngài Trí Giả. Đến lúc bia dựng lên tự nhiên xuất ra máu thành lời văn nói rằng:

- Thiên địa huyền diệu, mỗi chỗ lưu xuất ra đều như ma sát. Mỗi ngôn từ ý vị soi sáng khắp cảnh giới trong ngoài đến ba ngày mới hết.

Đại sư Trí Giả hoảng pháp hơn ba mươi năm không chứa kinh số điển chương, cũng không chương ngại việc biện giải khế lý phù văn. Sinh ra đã có Thiên trí, thế gian đều cảm phục. Nếu có đại cơ cảm ứng mới làm trước văn.

Phụng sắc chỉ tuyển soạn kinh số tịnh danh, đến phẩm Phật đạo làm thành hai mươi tám quyển. Giác ý Tam-muội một quyển. Lục diệu môn một quyển. Có chương môn trong pháp giới hơn ba trăm đoạn. Mỗi đầu trước tác sáu mươi khoa làm ba quyển, Tiểu chỉ quán một quyển, Pháp Hoa Tam-muội hành pháp một quyển. Lại thường ở trên Cao tọa nói rằng: Như thuyết lần lượt ở các Thiên môn mỗi năm một biến. Trước tác kinh số năm mươi quyển. Thuyết Pháp Hoa huyền nghĩa, cùng Viên Đốn chỉ quán trong nửa năm, mỗi kinh một biến, còn trước tác chương số mỗi thứ ba mươi quyển. Ba pháp môn này đều không ghi trên văn số, chỉ giảng truyền mà thôi. Ở chùa Đại Trang nghiêm, ngài Pháp thuận ghi lại các pháp môn của thầy. Lúc đầu phân làm ba mươi quyển, vẫn còn chưa san định lại mà Pháp Thuận lại lưu bỏ ở chùa Quốc thanh. Quán Đỉnh Hoằng Ký Pháp Hoa Huyền phân được mười quyển. Mọi người đều mong được nghe từ đầu đến cuối. Khi Đại sư Trí Giả nhập Niết-bàn, sự cung nghinh không có chỗ nào là không có. Lúc Long chương chưa đạt đến chỗ vi diệu, mà người học giả sâu rộng đã tìm đến mong học được pháp môn. Bậc học sĩ vui theo có mười bảy vị Thiên sư. Có vị tuổi đã cao mới gặp được Trí Giả. Quan thượng thư nhà Trần là Mao Hỷ nói rằng Tôn sư còn nhỏ, mà vì sao đệ tử lại già.

Đáp:

- Việc tùy theo người có đức chớ cho là ở nơi tuổi tác.

Lại hỏi:

- Làm sao mới gọi là người có đức?

Đáp:

- Người khéo thuyết pháp, tức là hậu thân của Phú-lâu-na, người phá trừ ma chướng ấy chính là Ưu-ba-cúc-đa.

Mao Hỷ khéo ghi nhớ được lời nói này, luận đàm việc triều thường nói lời chân thật, lại thường hành pháp Phương đẳng sám hối.

Sau đó, vua sai thân quan đến hỏi rằng: Phật đạo đương trụ ở Tây phương, người chưa đắc hiện thời chẳng phải là ngài sao? Nhưng rồi ở chùa Ngổa quan đoan tọa mà nhập diệt. Việc hoàng pháp kiến nghiệp trời đất đều biết đến. Lại có Tuệ Dao nhân nghe pháp mà phát định, đạo lực do nơi đó mà lãnh ngộ, rồi quán thông tịnh biện ghi lại những điều công đức. Ở nơi Phật lũng thiêu tuệ thân tu sám tượng vương đều hiện, pháp thân học đạo thiền mà phát công lực vi diệu. Hai, ba vị này không may lại mất sớm. Hàng môn nhân hành giải thiện căn về sau nay rất nhiều, nhân nơi thọ pháp bí trân bảo không để cho người biết. Nay lược lại những điều nghe thấy như trên. Đời vua Lương Phổ An, ở trong quân có Thân Quân Trần Châm là trưởng huynh của ngài Trí Giả. Năm đó bị chết ở tại Hối sóc. Sư tụng trì pháp Phương đẳng cho anh. Trần Châm hiện lên bài vị rằng: Đây là nhà của Trần Châm, sau mười lăm năm sẽ sinh ra đất này. Rồi trải qua mười lăm năm sau quả nhiên có người trông thấy Trần Châm, liền kinh hãi hỏi, ông có phương thuốc hồi sinh nào thì Châm đáp: Chỉ tu pháp sám mà thôi.

Nếu quả như thế thì chẳng phải do đạo lực thì làm sao cải tử hoàn sinh được.

Lương Phương Mậu theo sự tập tọa thiền bỗng nhiên thân được thông triệt nhẹ nhàng. Đại sư Trí Giả quả trách rằng:

Người mang theo vợ con thì làm sao tu học, nay nên bỏ đi.

Các quan đại phu là Tưởng Thiêm, Chu Nghi, Đồng Công, Ngô Minh Triệt đều lãnh thọ pháp khí xa lìa pháp trần như thế, lạm việc thiên hạ trong mười ba năm, trời đất bao la cũng không thể đo được sự cao thâm. Năm Khai Hoàng thứ 21 thì gặp mặt Tôn sư. Liễu Cố ở Khai phủ nói đến ân với Trí Giả, hàng tục gia như Tang tử nhập đạo nguyên do đều không thể biết, khắc kỷ tâm tư tự trách mình thì biết là tỉnh ngộ, nhưng nếu hỏi Viễn tổ là bậc Cố lão, cũng như theo thọ nghiệp các việc trước kia với bậc Tiên Đạt, Ngổa Quan, hoặc thừa theo Âm chỉ, theo

Thụy hậu của Thiên thai tùy phần mà ghi nhớ. Nhưng luyện mộ huyền phong không do đâu mà không kính ngưỡng.

Nếu cùng nghe thấy mà phụng dưỡng từ nhan, suy tìm nguồn gốc thì mọi việc đều rõ ràng.

Tiến Pháp sư nói: Những việc Đại sư làm đều là công đức. Lập chùa ba mươi sáu ngôi; mười lăm Đại tạng kinh. Tự tay độ Tăng hơn một vạn bảy ngàn người. Tạo tượng họa hình Phật, Bồ-tát bằng vàng, đồng, Chiên-đàn có hơn tám mươi vạn. Truyền đệ tử ba mươi hai vị. Còn đức pháp tự hành đạo thì không thể kể hết.

Tùy Thiên Thai Trí Giả Đại Sư Biệt Truyện (Hết)